TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2019
"*V/v Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh

***Hội thẩm nhân dân*:**

- Ông Chau Khiêng Sóc.

- Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc " *Tranh chấp ly hôn* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 282/QDST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Cẩm T1, sinh năm 1973, địa chỉ: Khóm 3, thị trấn T, huyện Tri Tôn, An Giang – Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1968, địa chỉ: Khóm 3, thị trấn T, huyện Tri Tôn, An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 5 năm 2019 và lời khai tại Tòa án, chị Huỳnh Cẩm T1 bày:

Chị và anh Phạm Văn T2 quen biết, do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, chị và anh T2 xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, do anh Tính không lo cho gia đình, mọi chi phí sinh hoạt do chị bươn chải gánh vác, kiếm tiền lo cho gia đình. Từ đó giữa chị và anh T2 xảy ra nhiều mâu thuẫn,

thường xuyên cải vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khoảng tháng 3/2018 và tháng 8/2018 chị có gửi đơn yêu cầu ly hôn với anh T2 và được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xem xét và thụ lý, trong quá trình hòa giải, tòa án động viên chị, vì thương con chị rút yêu cầu khởi kiện về sông đoàn tựu và tòa án đình chỉ giải quyết vụ án quyết định số: 09/2018/QĐST/HNGĐ ngày 06/3/2018 và quyết định đình chỉ số: 78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2018, đến nay giữa chị và anh T2 không tìm được T2g nói chung của vợ chồng, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Chị và anh T2 có 02 con chung tên Phạm Ngọc T3, sinh ngày 18/7/2001 (*trưởng thành*) và Phạm Tấn T4, sinh ngày 02/4/2005 khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, đồng thời yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T2: Anh T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập anh T2 đến tham dự phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh Tình vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T2 là bị đơn có nơi tạm trú: Phòng số 11, nhà trọ Minh Khê, khu góm Sứ, khóm 3, thị trấn Tri Tôn, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án tống đạt trực tiếp cho anh T2 quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn anh Phạm Văn T2. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh T2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử T2 hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Chị T1 cho rằng năm 1998 chị và anh T2 quen biết và tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng trong quan điểm sống, do anh T2 không lo cho gia đình mọi chi phí sinh hoạt do chị bươn chải.

Từ đó giữa chị và anh T2 xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khoảng tháng 8/2018 chị có gửi đơn yêu cầu ly hôn với anh T2 và được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xem xét và thụ lý, trong quá trình hòa giải, tòa án động viên vì thương con chị rút yêu cầu khởi kiện về sông đoàn tựu và tòa án đình chỉ giải quyết vụ án quyết định số: 78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2018, nay giữa chị và anh T2 không tìm được T2g nói chung của vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh T2, mặc dù hôn nhân giữa Chị T1

và anh T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có con chung, nhưng do hai người không có đăng ký kết. Theo qui định tại khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì *" Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của Luật này* chung *sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T1 đối với anh T2 không được chấp nhận mà tuyên bố không công nhận chị T1 và anh T2 là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Chị T1 và anh T2 có 02 con chung tên chung tên Phạm Ngọc T3, sinh ngày 18/7/2001 (*Trưởng thành*) và Phạm Tấn T4, sinh ngày 02/4/2005 khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, tại phiên tòa chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai cháu Phạm Tấn Tài, ngày 19/6/2019, cháu Tài có nguyện vọng sống với mẹ, để đảm bảo tâm sinh lý và cuộc sống bình thường, nên giao cháu Tài cho chị T1 được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, trách nhiệm nuôi dạy con là nghĩa vụ chung của vợ chồng, chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 xác nhận là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T1 khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo theo quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự cấp dững nuôi con, anh T2 chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố không công nhận chị Huỳnh Cẩm T1 và anh Phạm Văn T2 là vợ chồng.

2. *Về nuôi con* chung: Chị Huỳnh Cẩm T1 được trực tiếp nuôi dạy cháu Phạm Tấn T4, sinh ngày 02/4/2005.

Anh T2 phải cấp dưỡng nuôi cháu T4 745.000 đồng/tháng *(Bảy trăm bôn mươi lăm ngàn đồng)* đến khi cháu Tài đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về án phí:

Chị Huỳnh Cẩm T1 chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2016/0011944 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Anh Phạm Văn T2 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh